| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: **83**/2017/HNGĐ-ST<br>Ngày 29-9-2017<br>V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thế Vọng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hương

2. Ông Đặng Minh Lý

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T. Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 561/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2017, giữa các đương sự:

1. <u>*Nguyên đơn*</u>: Chị Trần Thị Diễm Ph, sinh năm 1979; cư trú tại: Số nhà 04, đường Lạc Long Quân, Tổ 78, Khu 11, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Có mặt).

2. <u>*Bị đơn*</u>: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1978; cư trú tại: Số nhà 19, đường Bàu Bàng, Tổ 66, Khu 10, phường P, Thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Số nhà 322, đường Lê Hồng Phong, Khu 05, phường PH, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 20/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Diễm Ph trình bày*:

Chị Ph và anh B có thời gian tìm hiểu và tiến tới kết hôn năm 2003 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 135, quyển số 01/2003, ngày 18/8/2003 tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng có hạnh phúc, tuy nhiên chỉ được một thời gian ngắn. Từ năm 2010 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự đồng cảm, không có tiếng nói chung khi cần giải quyết việc gia đình. Từ năm 2014, đến nay chị Ph với anh B đã sống ly thân, không còn qua lại, quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ph yêu cầu được ly hôn với anh B.

*Về con chung*: Chị Ph và anh B có 02 con chung tên Nguyễn Diễm Bình A, sinh ngày 10/10/2004 và cháu Nguyễn Diễm Bình Ng, sinh ngày 09/01/2009. Sau khi ly hôn chị Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Diễm Bình Ng, không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Anh B được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Diễm Bình A, chị Ph không cấp dưỡng.

*Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Đối với bị đơn là anh Nguyễn Thanh B, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh B được.*

*Tại phiên tòa,*

- Nguyên đơn chị Trần Thị Diễm Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Diễm Bình Ng và đồng ý để anh Nguyễn Thanh B được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Diễm Bình A.

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh B vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; xác định đúng tư cách đương sự theo quy định tại Điều 68 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ đầy đủ, đúng trình tự theo quy định. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 48, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Đối với những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật

Tố tụng dân sự; phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

1.1. *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 20/7/2017, chị Trần Thị Diễm Ph có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Thanh B nên đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.2. *Về thẩm quyền*: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn anh Nguyễn Thanh B đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

1.3. *Về sự tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thanh B không có lý do mặc dù đã được triệu tập đến tham dự phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh B.

2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ngày 18/8/2003, chị Ph và anh B đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa chị Ph và anh B là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa chị Ph và anh B là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị Ph xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do tính tình không hợp, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; bất đồng quan điểm sống, không có sự đồng cảm, không có tiếng nói chung nên từ năm 2014 đến nay chị Ph và anh B đã sống ly thân, không ai còn qua lại, yêu thương chăm sóc lẫn nhau nữa. Việc, chị Ph và anh B không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh B nhiều lần để Tòa

án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng anh B vẫn cố tình vắng mặt, điều này chứng tỏ anh B không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa chị Ph và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị Ph, cho chị Ph được ly hôn với anh B.

2.2. *Về con chung*: Quá trình chung sống, chị Ph và anh B có 02 con chung là Nguyễn Diễm Bình A, sinh ngày 10/10/2004 và Nguyễn Diễm Bình Ng, sinh ngày 09/01/2009. Khi ly hôn chị Ph có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi cháu Ng, anh B sẽ trực tiếp nuôi cháu A. Quá trình giải quyết vụ án, nhận thấy cháu A có nguyện vọng muốn được ở với anh B, còn cháu Ng có nguyện vọng muốn được ở cùng với chị Ph. Vì vậy, để cháu A và cháu Ng phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội, cần giao cháu A cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Ng cho chị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp nên yêu cầu của chị Ph về phần con chung được chấp nhận.

2.3. *Về cấp dưỡng*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T là có cơ sở.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Ph phải chịu 300.000 đồng; anh B không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Diễm Ph về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn là anh Nguyễn Thanh B.

*1.1. Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Diễm Ph được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

*1.2. Về con chung*:

- Giao chị Trần Thị Diễm Ph được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Diễm Bình Ng, sinh ngày 09/01/2009.

- Giao anh Nguyễn Thanh B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Diễm Bình A, sinh ngày 10/10/2004.

*1.3. Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì quyền và lợi ích hợp pháp về mọi mặt của cháu Nguyễn Diễm Bình A và cháu Nguyễn Diễm Bình Ng, Tòa án có thẩm quyền có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

*1.4. Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Diễm Ph phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị Diễm Ph đã nộp (Do anh Ngô Lê Anh Kh nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001321 ngày 27/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Chị Trần Thị Diễm Ph được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Thanh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố TDM;
- UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thế Vọng**